

META IMPLANTER

HỆ THỐNG BÚT CẤY NANG TÓC CHUYÊN DỤNG

Hệ thống dụng cụ cấy tóc METAPHARM hỗ trợ thực hiện quy trình cấy nang tóc trong điều trị rụng tóc và hói đầu.



NHÀ SẢN XUẤT: METAPHARM – HÀN QUỐC

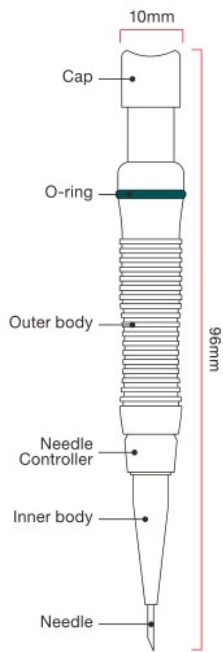
ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA META IMPLANTER

Phát triển bởi TS. Jung-Chul Kim tại KNUH

- Lịch sử sử dụng trên 20 năm; được ứng dụng trên thế giới.
- Điều chỉnh chiều dài phần kim đưa vào da đầu bằng bộ điều chỉnh độ sâu kim (Needle Controller).

Tốc độ cấy và bảo vệ nang tóc

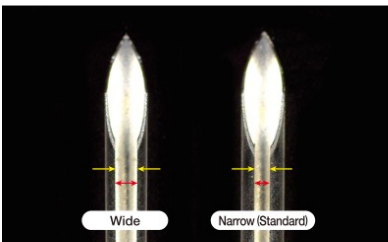
- Theo hãng: hỗ trợ cấy 1.500–2.000 đơn vị nang tóc mỗi giờ.
- Thiết kế hạn chế tiếp xúc với chân tóc; hãng công bố hỗ trợ tỷ lệ sống của nang tóc.



Cấu tạo: Nút nhấn (Cap) • Vòng đệm O (O-ring) • Thân ngoài • Bộ điều chỉnh kim • Thân trong • Kim cấy. Kích thước minh họa: dài 99 mm, đầu trên rộng 10 mm.

1. WIDE CHANNEL – KIM CẤY RÃNH RỘNG

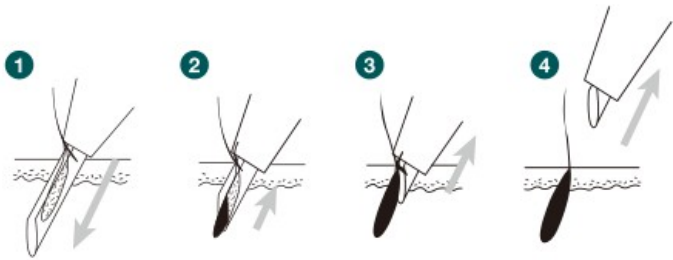
Có bốn kích thước 0,7 / 0,8 / 0,9 / 1,0 mm. Rãnh rộng giúp đưa đơn vị nang tóc vào kim thuận lợi hơn; theo hãng có thể giảm tổn thương, nhưng nang tóc cũng dễ lỏng trong rãnh hơn.



Đường kính kim	Rãnh rộng (Wide)	Rãnh chuẩn (Standard)
0,7 mm	0,30 mm	0,25 mm
0,8 mm	0,30 mm	0,25 mm
0,9 mm	0,35 mm	0,25 mm
1,0 mm	0,35 mm	0,30 mm

NGUYÊN LÝ CẤY VÀ DÒNG KIM THÀNH MỎNG

Kiểm soát hướng, mật độ và góc cấy để hỗ trợ tạo vẻ ngoài tự nhiên cho tóc sau cấy. Sơ đồ mô tả thao tác đưa kim vào, đặt đơn vị nang tóc và rút kim.

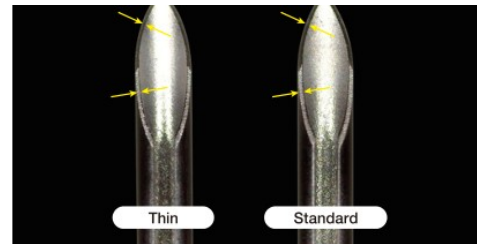


Ưu điểm thiết kế do nhà sản xuất công bố

- Các chứng nhận/tiêu chuẩn được giới thiệu: KFDA, CE, ISO 13485.
- Phương pháp cấy tóc một bước (One-Step Hair Implantation).
- Điều chỉnh chiều dài kim theo người thao tác và tình trạng da đầu.
- Kiểm soát độ sâu đặt nang tóc bằng cơ cấu điều chỉnh hành trình.
- Đầu vát gia công giúp giảm ma sát; kim mảnh nhằm hạn chế tổn thương nang tóc.
- Thiết kế công thái học nhằm giảm mỏi tay trong ca kéo dài.
- Có dấu định hướng đầu vát và hướng đường rạch.
- 7 cỡ kim thay thế: 0,6 / 0,7 / 0,8 / 0,9 / 1,0 / 1,1 / 1,2 mm.

2. THIN MODEL – KIM THÀNH MỎNG

Hai phiên bản Thin và Standard cho kim 0,8 và 1,0 mm. Với cùng đường kính ngoài, kim Thin có lòng kim rộng hơn, thuận lợi khi cấy đơn vị nang tóc tương đối lớn.



Model Standard Model

Cỡ kim	Thin: ngoài	Thin: trong	Chuẩn: ngoài	Chuẩn: trong
0,8 mm	0,80	0,68	0,80	0,64
1,0 mm	1,00	0,87	1,00	0,82

Các trị số đường kính tính bằng mm.

CHỨNG NHẬN VÀ DÒNG KIM ĐẦU TÙ

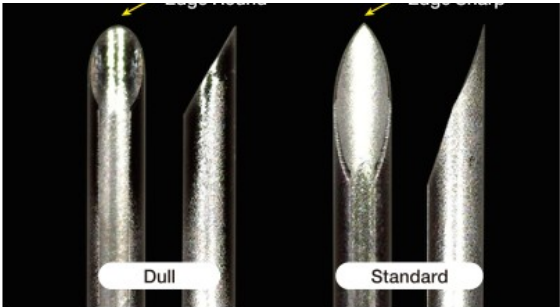
Chứng nhận được thể hiện trong catalogue



- Giấy chứng nhận sản xuất trang thiết bị y tế (Medical Device Manufacture Certificate).
- Chấp thuận sản xuất trang thiết bị y tế của MFDS Hàn Quốc.
- Chứng nhận Thực hành tốt sản xuất trang thiết bị y tế Hàn Quốc (KGMP).
- Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng EN ISO 13485:2016.

3. DULL MODEL – KIM CẤY ĐẦU TÙ

DNI (Dull Needle Implanter) có bốn cỡ 0,7 / 0,8 / 0,9 / 1,0 mm. Phù hợp khi cấy nang tóc vào các vị trí/đường rạch đã tạo sẵn trên da đầu (Pre-made Slit Technique).



Đặc điểm	Dull Type	Standard Type
Đầu kim	Bo tròn (Round Edge)	Sắc (Sharp Edge)
Kích thước	0,7 / 0,8 / 0,9 / 1,0 mm	0,7 / 0,8 / 0,9 / 1,0 mm

Vật liệu kim loại chất lượng cao; rãnh gia công đồng đều và đầu kim được hoàn thiện chính xác (theo mô tả của hãng).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Bước 1 – Điều chỉnh chiều dài phần kim

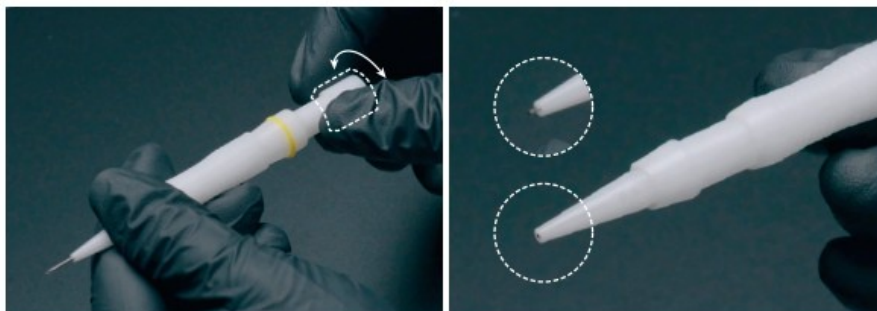
Trong khi nhấn giữ nút nhấn (Cap), giữ thân ngoài (Outer Body) và xoay bộ điều chỉnh kim (Needle Controller) để thay đổi chiều dài phần kim nhô ra.

Bước 2 – Điều chỉnh hành trình thanh đẩy

Giữ thân trong (Inner Body), xoay nút nhấn (Cap) để điều chỉnh chiều dài hành trình thanh đẩy (Staff).



- 1 With "cap" pressed, hold "outer body" and rotate "needle controller" to adjust the needle length.



- 2 While holding "inner body", rotate "cap" to adjust the "staff" length.

HÌNH ẢNH SẢN PHẨM



METAPHARM Hair Implanter can easily control the length of needle to be inserted by using "Needle Controller"



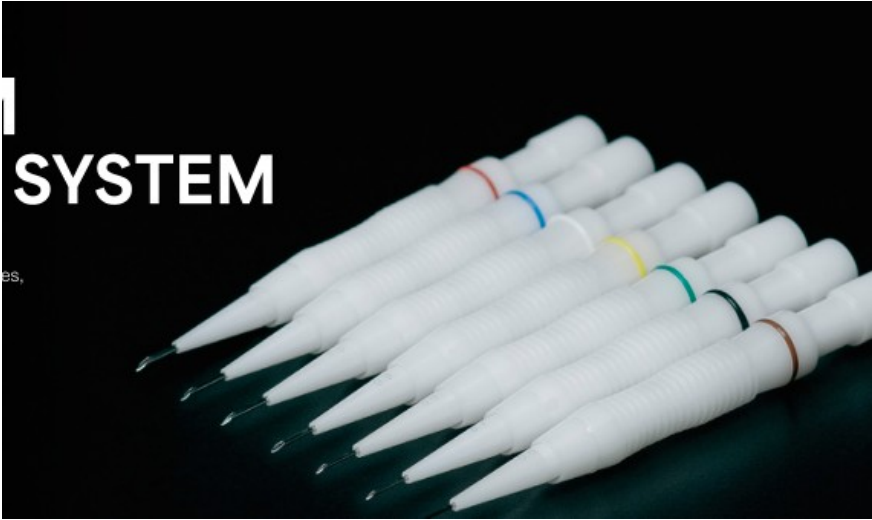
Replaceable needle specifications are total of 7 types. (0.6 / 0.7 / 0.8 / 0.9 / 1.0 / 1.1 / 1.2mm)

Bút cấy nang tóc (Hair Implanter): có bộ điều chỉnh chiều dài phần kim đưa vào da đầu. Kim thay thế (Replacement Needle): 7 kích thước 0,6 / 0,7 / 0,8 / 0,9 / 1,0 / 1,1 / 1,2 mm.

METAPHARM HAIR IMPLANT SYSTEM

HỆ THỐNG BÚT CẤY NANG TÓC VÀ KIM THAY THẾ

Kiểm soát hướng, mật độ và góc cấy nhằm hỗ trợ phẫu thuật thuận tiện, hướng đến kết quả tự nhiên. W = Wide (rãnh rộng); D = Dull (đầu tù); T = Thín (thành mỏng).



Màu	Kim Ø	Mã bút	Mã kim	Ø ngoài	Ø trong	Dày	Rãnh	Khuyến nghị
Nâu	0,6	OAA-2202	OAA-2199	0,60	0,52	0,040	0,25	Tóc mảnh / lông mày
Đen	0,7	OAA-2193	OAA-2112	0,70	0,60	0,050	0,25	1 sợi tóc mảnh
Đen W	0,7	OAA-2193W	OAA-2112W	0,70	0,60	0,050	0,30	
Đen D	0,7	OAA-2193D	OAA-2112D	0,70	0,60	0,050	0,30	
Xanh lá	0,8	OAA-2190	OAA-2109	0,80	0,64	0,080	0,25	1 sợi tóc
Xanh lá W	0,8	OAA-2190W	OAA-2109W	0,80	0,64	0,080	0,35	
Xanh lá D	0,8	OAA-2190D	OAA-2109D	0,80	0,64	0,080	0,35	
Xanh lá T	0,8	OAA-2190T	OAA-2109T	0,80	0,68	0,060	0,25	
Vàng	0,9	OAA-2194	OAA-2113	0,90	0,76	0,070	0,25	1–2 sợi tóc
Vàng W	0,9	OAA-2194W	OAA-2113W	0,90	0,76	0,070	0,35	
Vàng D	0,9	OAA-2194D	OAA-2113D	0,90	0,76	0,070	0,35	
Trắng	1,0	OAA-2191	OAA-2110	1,00	0,82	0,090	0,30	2 sợi tóc
Trắng W	1,0	OAA-2191W	OAA-2110W	1,00	0,82	0,090	0,35	
Trắng D	1,0	OAA-2191D	OAA-2110D	1,00	0,82	0,090	0,35	
Trắng T	1,0	OAA-2191T	OAA-2110T	1,00	0,87	0,065	0,30	
Xanh dương	1,1	OAA-2195	OAA-2196	1,10	0,95	0,075	0,30	2–3 sợi tóc
Đỏ	1,2	OAA-2192	OAA-2111	1,20	1,04	0,080	0,35	3 sợi tóc

Đơn vị: mm. Khuyến nghị theo tài liệu hãng, không thay thế quyết định của bác sĩ. Dữ liệu Wide 0,8 mm giữa trang 2 và 6 của catalogue có sai khác; giữ nguyên trị số theo từng trang.

METAPHARM Co., Ltd. | 124 Sagimakgol-ro, Jungwon-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc | +82-10-3211-3798 | bjs@metapharm.co.kr